

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/01/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Trần Đăng Anh Việt.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lê Khả Hòa và ông Phạm Văn Miên.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Tòa án nhân dân

huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23/8/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc T2, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T2 có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 18/10/2007.

Sau khi kết hôn, chị T và anh T2 chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, thường

xuân xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Từ đầu năm 2021, anh T2 thường xuyên chơi bài bạc, dẫn đến nợ nần, chị T đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T2 không những không thay đổi mà còn chửi bới, đánh đập chị T, đập phá đồ đạc trong gia đình. Vì sợ anh T2 đánh đập nên chị T đã dẫn con ra khỏi nhà và sống ly thân với anh T2 từ tháng 8/2021 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hàn gắn để tiếp tục chung sống, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T2.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T2 có 02 con chung tên: Trần Văn Anh, sinh ngày 24/4/2008 và Trần Bảo An, sinh ngày 16/10/2014. Hiện nay, cả 02 cháu đang sống cùng với chị T.

Chị T yêu cầu Tòa án giao cháu Trần Bảo An cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Trần Văn Anh cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị T và anh T2 không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T2 tự thỏa thuận, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, anh Trần Quốc T2 trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc T2 và chị Nguyễn Thị T trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Đ, tỉnh G vào ngày 18/10/2007.

Trong thời gian chung sống, giữa anh T2 và chị T có nảy sinh mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, không đến mức nghiêm trọng phải ly hôn. Anh T2 vẫn còn tình cảm với chị T, mong muốn gia đình được đoàn tụ nên anh T2 không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T2 và chị T có 02 con chung tên: Trần Văn Anh, sinh ngày 24/4/2008 và Trần Bảo An, sinh ngày 16/10/2014. Nếu chị T cương quyết xin ly hôn và Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn thì anh T2 đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Trần Văn Anh và Trần Bảo An cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Quốc T2 và chị Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn chấp hành chưa đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trần Quốc T2 và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì chị T, anh T2 phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 8/2021 đến nay, chị T có đơn xin ly hôn nhưng anh T2 không nhất trí ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị T không còn yêu thương anh T2, không còn mong muốn chung sống cùng anh T2 nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo An, đề nghị Tòa án giao cháu Trần Văn Anh cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập. Anh T2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu. Nhận thấy, cả anh T2 và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu. Do đó, cần giao cháu Trần Văn Anh cho anh T2, giao cháu Trần Bảo An cho chị T. Anh T2 và chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T2 cũng không có ý kiến. Vì vậy, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Trần Quốc T2 có địa chỉ tại thôn M, xã D, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Trần Quốc T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T2 qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã D, huyện Đ, tỉnh G vì vậy hôn nhân giữa chị T và anh T2 là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với anh T2, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T2. Nhưng anh T2 cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị T chưa tới mức phải ly hôn nên anh T2 không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh T2 và chị T không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị T không còn yêu thương anh T2, không còn mong muốn chung sống cùng anh T2 nữa. Như vậy, chị T và anh T2 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T2 được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, mặc dù anh T2 không muốn ly hôn với chị T nhưng anh T2 không tham gia phiên tòa, trong thời gian sống ly thân, anh T2 không có động thái thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, việc chị T yêu cầu ly hôn với anh T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T2 đều thừa nhận có 02 con chung tên là: Trần Văn Anh, sinh ngày 24/4/2008 và Trần Bảo An, sinh ngày 16/10/2014. Nguyên vọng của cháu Trần Văn Anh và cháu Trần Bảo An đều mong muốn được sống cùng chị T. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Bảo An, giao cháu Trần Văn Anh cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T2 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Trần Văn Anh và Trần Bảo An cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được. Hội đồng xét xử xét thấy, cả anh T2 và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu. Do đó, cần giao cháu Trần Văn Anh cho anh T2, giao cháu Trần Bảo An cho chị T là phù hợp. Anh T2 và chị T có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T2 phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh T2 cũng không có ý kiến. Vì vậy, anh T2 và chị T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T2, chị T có quyền khởi kiện về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật khi có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc T2.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Vân Anh, sinh ngày 24/4/2008 cho anh Trần Quốc T2, giao cháu Trần Bảo An, sinh ngày 16/10/201 cho chị Nguyễn Thị T. Chị T và anh T2 có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Quốc T2 và chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001335 ngày 23/8/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt